TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 10/5/2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH T

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan A.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn T

Bà Nguyễn Thị H

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu T - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2023/ TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2023/ QĐXX - ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Thái B - Sinh năm 1995.

Nơi cư trú: SN 332 đường T, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T - Sinh năm: 1995.

Nơi ĐKNKTT: SN 332 đường T, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại K4, Trại giam T, huyện Nông Cống, tỉnh T.

Tại phiên tòa có mặt anh B, vắng mặt chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Ngô Thái B trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Huyền T kết hôn với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T. Sau khi cưới xong vợ chồng về sinh sống cùng bố mẹ anh tại số nhà SN 332 T, phường Đ, thành phố T. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 2 năm, thì đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị T chơi bời cờ bạc, vay nợ nhiều nơi, anh đã khuyên bảo nhiều nhưng chị T chứng nào tật đó, dẫn đến phạm tội. Năm 2020 chị T bị Công an tỉnh T phạm tội Đánh bạc và bị Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử vào ngày 21/01/2021 với mức án là 36 tháng tù và hiện nay chị T đang chấp hành án tại Phân trại K4 Trại giam T, tỉnh T.

Nay anh Ngô Thái B xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị Huyền T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án nhân dân thành phố T giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh B và chị T có 01 con chung là cháu Ngô Gia B sinh ngày 10/10/2015. Anh B đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai của bị đơn chị Nguyễn Thị HuyềnT trình bày:***

Chị và anh Ngô Thái B kết hôn với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T. Sau khi cưới xong vợ chồng về sinh sống cùng gia đình anh B tại số nhà SN 332 T, phường Đ, thành phố T. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc được 3 năm, thì đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B chơi bời, không quan có tiếng nói chung, không quan tâm và có trách nhiệm đến vợ con, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng sống ly thân từ năm 2019. Năm 2020 chị phạm tội Đánh bạc và bị Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử với mức án 36 tháng tù, hiện chị đang chấp hành án tại Phân trại K4, Trại giam T, tỉnh T. Nay anh Ngô Thái B có đơn ly hôn chị cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh B. Vì chị đang chấp hành án, nên chị đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Anh B và chị T có 01 con chung là cháu Ngô Gia Bảo sinh ngày 10/10/2015. Vì chị đang chấp hành án, nên Anh B xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T

cũng đồng ý vì hiện nay chị đang chấp hành án nên không có điều kiện và thu nhập để nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án xử cho anh Ngô Thái B được ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền T.Về con cái: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T giao cháu Ngô Gia Bảo cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và anh B tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản và công nợ chung: Anh B và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Ngô Thái B có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là chị Nguyễn Thị Huyền T. Do đó đây là vụ án ly hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Huyền T có đơn xin xét xử vắng mặt. Toà án căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]***Về hôn nhân***: Anh Ngô Thái B và chị Nguyễn Thị Huyền T kết hôn với nhau năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, do quan điểm cách sống của vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung. Nay cả hai bên đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Vì chị T đang phải chấp hành án, nên chị T không tiến hành hòa giải và tham gia xét xử tại phiên tòa được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật HNGĐ để xử cho anh Ngô Thái B được ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền T là phù hợp.

[3] ***Về con chung*:** Anh B và chị T có 01 con chung là cháu Ngô Gia B sinh ngày 10/10/2015. Ly hôn chấp nhận nguyện vọng của anh B xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét việc xin nuôi con của anh B

là phù hợp với khả năng chăm sóc với điều kiện thực tế, mặt khác chị T cũng đồng ý giao cháu B cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, vì chị T đang phải chấp hành án, nên việc giao con cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân gia đình, nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] ***Về tài sản và công nợ chung****:* Anh B và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] ***Về án phí****:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử: Cho anh Ngô Thái B được ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền T.

Về con chung: Công nhận cháu Ngô Gia B sinh ngày 10/10/2015 là con chung của anh B và chị T. Giao cháu Ngô Gia Bảo cho anh Ngô Thái B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Huyền T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Anh B và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Ngô Thái B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã

nộp theo biên lai số AA/2021/0002868 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T (anh B đã nộp đủ án phí DSST).

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7B và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Ngô Thái B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Huyền T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP T;
- Chi cục THA- TP T;
- UBND phường T, TPTH;
- Lưu hồ sơ .

Nguyễn Thị Lan Anh